

第1章:コックタイン合作社の市場化対応“capacity building”プロジェクト(2008～2011年)ーベトナム紅河デルタの村おこしモデルの形成ー

柳澤雅之

本章は2008年4月～2011年3月にかけて実施した、JICA 草の根技術協力事業(草の根協力支援型)の最終報告会での報告書を掲載する。プロジェクトでは、日本ベトナム研究者会議が事業実施団体となり、実質的には桜井由躬雄・柳澤雅之・設楽澄子がプロジェクトの運営を担当した。プロジェクトの目的は、市場経済に対応した農村組織作りのためのキャパシティビルディングにあった。当時、コックタイン合作社¹(コクタイン合作社)は社会主義的な従来の合作社から新しい農業サービス組織としての合作社への変革途上にあったため、コックタイン合作社とその幹部職員はプロジェクト対象としてふさわしい対象と考えられた。

具体的な活動は次のようであった。

1. 合作社幹部による紅河デルタ全体での生産・流通の調査と継続的なネットワークの形成に対する成果

1.1. 特産ジャガイモの普及活動に関連して

- ・ジャガイモ新品種の入手
- ・ジャガイモ新品種の栽培試験
- ・コックタイン合作社産ジャガイモへの購入依頼

1.2. 農家世帯の重要な現金収入源としての軟弱野菜(葉菜類)の栽培および販売の促進

- ・コックタイン周辺市場(定期市)での販売価格調査
- ・農産物価格情報の村人への発信
- ・有機野菜先進地域(ハノイ近郊)での栽培・流通調査とネットワークの形成方法の検討
- ・栽培技術の確立に向けた取り組み

2. 合作社情報センターの設置

2.1. IT化

2.2. 情報拠点としてのオフィスへ

3. 日本の農協システムの管理運営方法の適用

2008年9月8日～9月20日にかけて、ベトナムから7目タインロイ社幹部2名、コックタイン合作社幹部2名、農業科学技術研究所幹部2名、ハノイ国家大学研究員1名の7名が、日本の農協や農業研究機関を訪問

¹ プロジェクト申請時に合作社名を「コクタイン合作社」としたことから、最終報告書でも「コクタイン合作社」と表記されている。



2011年4月28日
JICA草の根技術協力事業(草の根協力支援型)
“Capacity building for Market-oriented Economy in Agricultural Cooperative Coc Thanh as a
model of village development in the Red River Delta”プロジェクト最終報告会
JICA地球ひろば

コクタイン合作社の市場化対応
“capacity building”プロジェクト
ーベトナム紅河デルタの村おこしモデルの形成ー

日本ベトナム研究者会議

事業の概要

- 事業名
コクタイン合作社の市場化対応“capacity building”
プロジェクトーベトナム紅河デルタの村おこしモデル
の形成
- 事業実施期間: 2008年4月～2011年3月
- 事業実施団体名: 日本ベトナム研究者会議
- 業務従事者名:
桜井由躬雄(日本ベトナム研究者会議長・東京大学名
誉教授・ベトナム国家大学名誉博士)
柳澤雅之(京都大学地域研究統合情報センター)
設楽澄子(一橋大学大学院)

背景

- 社会主義政権の成立以来の稲作を中心とする自給的農業から、ドイモイ(1986年)やWTO加盟(2007年)以降の市場経済への急速な移行がもたらした社会的・経済的混乱
- 急速な経済発展の中で、都市・農村間の経済的格差の拡大
- 伝統的社会組織の再編による農村社会の不安定化

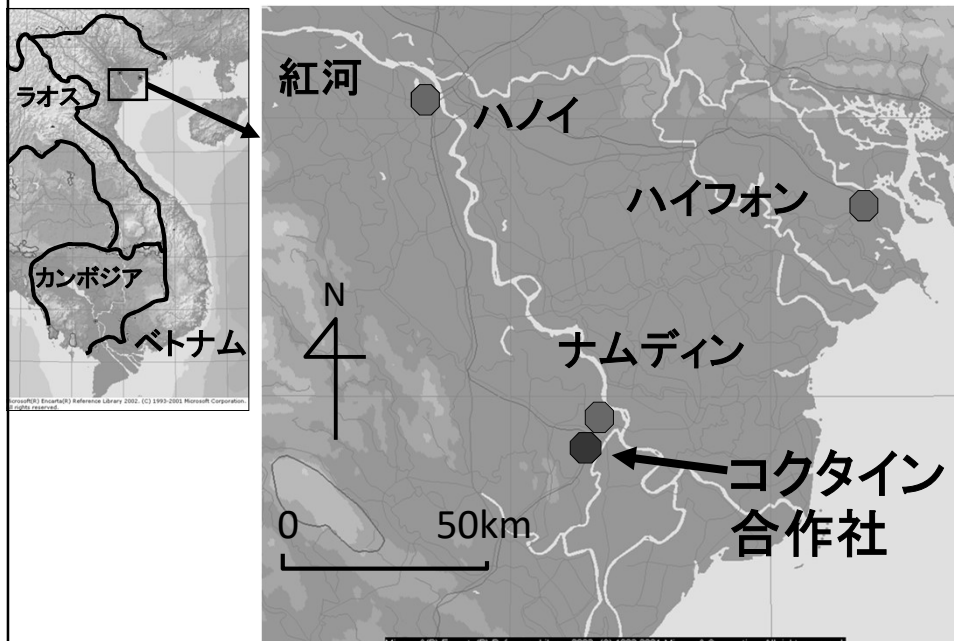
合作社

- もともと社会主義化の過程で農業労働を集団化するために形成され、村内の社会的・経済的活動の基盤となる(旧合作社)。
 - 合作社は伝統的村落 Làng xã を重要なユニットとするが、両者のバウンダリーは必ずしも一致しない。
 - 1997年に合作社法が施行され、市場経済下の協同組合を新しいタイプの合作社とする(新合作社)。
- ⇒ 新旧合作社の混在、社会活動と経済活動の分離/未分離、急速な市場経済の浸透への対応

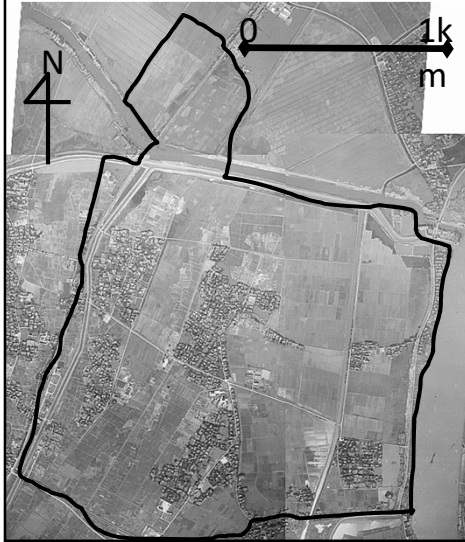
目的

- 市場経済に対応した農村組織(合作社)作りのためのキャパシティビルディング支援
 - 市場化経済に対応した商品農産物の導入と、それによる現金収入源の安定化および増大
 - 商品農産物(特に野菜)市場に関する情報の入手と、その生産・販売計画の策定
 - 合作社情報センターの設置
 - 日本の農協システムの管理運営方法の適用

事業の対象地



ナムディン省コクタイン合作社



人口：3,605人

8生産隊

面積：385ha

人口密度：936人/km²

1994年以来の総合的
村落調査の蓄積

現地協力機関および調整員

ベトナム農業科学アカデミー・Center for Agrarian
Systems Research and Development (CASRAD)

Dr. Dao The Anh センター長

Mr. Buy Van Minh 同研究員(2008年～09年)

Mr. Vu Van Doan 同研究員(2009年～11年)

ベトナム国家大学・Institute of Vietnamese Studies
and Development

Dr. Nguyen Thi Phuong Anh 講師

プロジェクト目標と課題(成果)

プロジェクトの最終的な目標

キャパシティビルディングを通じ、市場化経済に対応した商品農産物の導入と、それによる現金収入源の安定化および増大

指標: 商品農産物の導入、コクタイン合作社農民の現金収入源の安定化と増大

そのために必要な課題(成果)

1. 商品農産物(特に野菜)市場に関する情報の入手と、その生産・販売計画の策定
2. 合作社情報センターの設置
3. 日本の農協システムの管理運営方法の適用

1. 商品農産物(特に野菜)市場に関する情報の入手と、その生産・販売計画の策定

1. 商品農産物市場に関する情報の収集
2. 商品農産物市場における流通量、価格変動等の継続的入手方法の確立
3. 現地セミナーの開催
4. 商品農産物市場の情報に基づいた新規農産物栽培技術の入手と村での栽培方法の確立
5. 試験的栽培の実施と販売
6. 栽培技術の普及と販売方法の改善



ターゲットとした 農産物

軟弱野菜(葉菜類)
⇒ 農家世帯の重要な
現金収入源の確保を
目指して

ジャガイモ
(合作社の保冷库)
⇒ 合作社による栽培・
保管・販売事業の支援
として



ジャガイモ: 合作社による栽培・保管・販売事業の 支援として

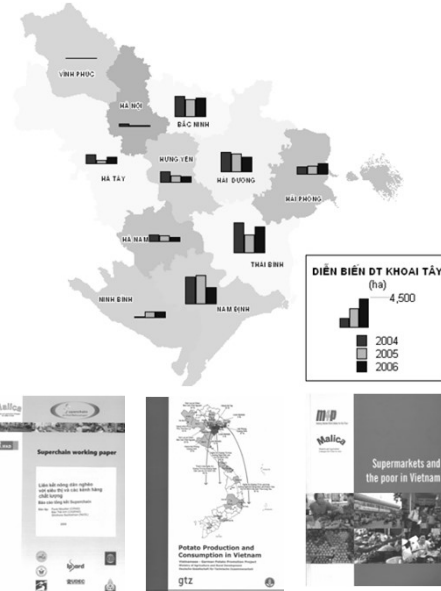
1. 合作社幹部による紅河
デルタ全体での生産・
流通の調査と継続的な
ネットワークの形成
2. 試験的栽培の実施



ジャガイモ： 合作社による栽培・保管・販売事業の支援として

1. 合作社幹部による紅河デルタ全体での生産・流通の調査と継続的なネットワークの形成

- タイビン省農漁業普及センター(タイビン省)
- 食用作物研究所(ハイズオン省)
- バクニン省在住流通業者
- ジャガイモ生産合作社(タイビン省
 チョンクアン合作社・アンニン合作社・
 ビンディン合作社、ハイフォン省カ
 プティエン合作社、バクニン省ギエ
 ムサー合作社)、アンラック農産物可能
 会社
- ワークショップへの参加(CASRAD主
 催)
- ナムディン市近郊の大口消費者の需
 要調査



コクティンでのワークショップ
 開催、ジャガイモ普及プロ
 グラムワークショップへの参加、
 生産合作社訪問の様子



1. 合作社幹部による紅河デルタ全体での生産・流通の調査と継続的なネットワークの形成に対する成果 (ジャガイモ関連)

- ジャガイモ新品種の入手
ドイツ種、Sinora種の新しい種イモの入手ルートの多角化(特に研究機関とのネットワーク)。Eden種、Atlantic種など新品種に関する情報の提供。
- ジャガイモ新品種の栽培試験
2009年度および2010年度に実施したコクタイン合作社での新品種導入試験のための便宜(種イモの入手、栽培技術指導)。
- コクタイン産ジャガイモへの購入依頼
- タイビン省農業および環境に関する助言・応用発展科学センター(タイビン省に2009年に設立された商品農産物販売促進のための機関)から20トンのジャガイモ購入依頼あり(2010年)。コクタイン合作社の保冷庫を利用した種イモ保管事業は高品質の種イモであり信頼される。それ以降も継続してコンタクトあり。
- バクニン省の流通業者による問い合わせ、VINAGAP社担当者による視察、ザラム省食料センターからの問い合わせなど。

ジャガイモ：合作社による栽培・保管・販売事業の支援として

2. 試験的栽培の実施

2009年度冬季

14世帯、4品種(Eben, Sinora, Marabel, ドイツ種)による栽培試験(食用作物研究所の協力を得る。種イモの入手、栽培技術指導を含む)

⇒ 多雨のため収量が低く、明確な結果が得られなかった。

2010年度冬季

15世帯、3品種(古いドイツ種、新しいドイツ種、Shinora)による栽培試験

⇒ 新しいドイツ種は26%の増加(種イモの更新が重要)



農家世帯の重要な現金収入源としての軟弱野菜 (葉菜類)の栽培および販売の促進

1. コクタイン周辺市場(定期市)での販売価格調査
2. 農産物価格情報の村人への発信
3. 有機野菜先進地域(ハノイ近郊)での栽培・流通調査とネットワークの形成方法の検討
4. 栽培技術の確立に向けた取り組み



農家世帯の重要な現金収入源としての軟弱野菜 (葉菜類)の栽培および販売の促進

1. コクタイン周辺市場(定期市)での販売価格調査
 - デム市場, ミート市場, ホアングアン市場(以上ナムディン市内)、ガオ市場(コクタインに隣接)、コクタイン農民の販売価格(生産地での販売価格)
 - 情報収集する市場は2009年4月から5カ所、同年10月から7カ所に(デム市場とガオ市場で2カ所)。
 - 収集回数は当初が3回/月、その後6回/月=4と7のつく日。
 - 情報収集は直接の聞き取りから携帯電話を利用した聞き取りへ。
 - 午前10時頃に情報を収集し、午後5時には拡声器で知らせる。希望者や会議の時に紙媒体でも配布。



- 対象とする野菜はジャガイモ、ネギ、ツケナ、ツルムラサキ、サラダナ、シュンギクなど。

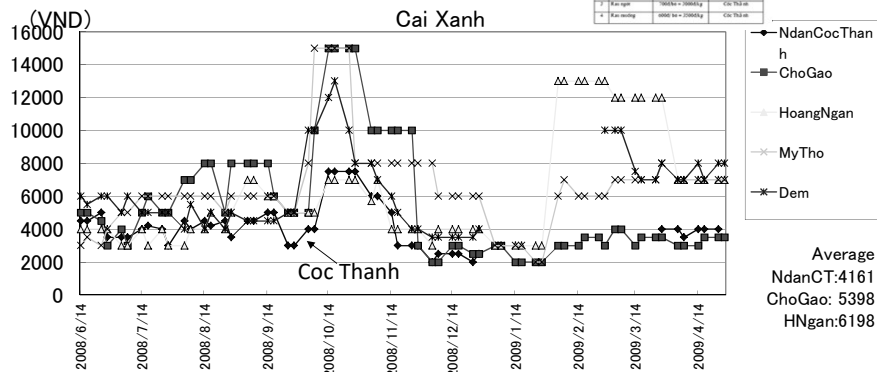
農家世帯の重要な現金収入源としての軟弱野菜 (葉菜類)の栽培および販売の促進

2. 農産物価格情報の村人への発信

- 午前10時頃に情報を収集し、午後5時に拡声器で知らせる。希望者や会議の時に紙媒体で配布。
- 月ごとの情報をエクセルに入力しトレンドを分析。

TRUNG TINH TRUC BA, CHAU MEIC GI MEIT HANOI NGON NGON

Để thông tin được cập nhật và chính xác, chúng tôi mong muốn được tiếp nhận thông tin từ các hộ nông dân về tình hình sản xuất và tiêu thụ rau xanh tại địa phương. Thông tin này sẽ được tổng hợp và gửi đến các hộ nông dân khác để họ có thể tham khảo và điều chỉnh sản xuất cho phù hợp. Chúng tôi xin cảm ơn sự hợp tác của các hộ nông dân.



農家世帯の重要な現金収入源としての軟弱野菜 (葉菜類)の栽培および販売の促進

3. 有機野菜先進地域(ハノイ近郊)での栽培・流通調査とネットワークの形成方法の検討

- ティエンレ合作社(ハノイ)、イエンミー合作社(ハノイ)、バンノイ合作社(ハノイ)にて有機野菜栽培の許認可、マーケットの開拓、品質管理、行政の役割について調査
- Big Cスーパーマーケット野菜管理部(ハノイ)、ティンロン農産物販売会社(ナムディン省)での農産物収集に関する調査
- ナムディン近郊の工業区の大口消費者に対する需要調査



有機野菜用の商標・パッケージについての説明をうけるコクタイン合作社幹部



Big Cスーパーマーケット(ハノイ)の有機野菜

農家世帯の重要な現金収入源としての軟弱野菜 (葉菜類)の栽培および販売の促進

4. 栽培技術の確立に向けた取り組み

- ナムディン省での有機野菜の取り組み調査 ⇒ 需要のあることは認めるが、省として有機野菜を推進するに至っていない。
- ナムディン省によるIPM(Integrated Pest Management)の講義をコクタイン合作社で開講
- IPM講義を受けた農民30世帯が有機野菜先進地域のティエンレ合作社に研修(特に農薬や化学肥料の使用を記録する方法(品質管理を含む)とマーケティングについて多くの質疑応答がなされた)
- コクタイン合作社の水質・土壌の調査
⇒ いずれも、将来、ナムディン省が有機野菜の取り組みを開始するときの基盤となる、主にソフト面を支援
⇒ こうしたコクタイン合作社の取り組みはナムディン省合作社連盟に認められる。現在(2011年4月)、合作社連盟は、農産物販売に関するモデル合作社を選定中であり、コクタイン合作社が有力な候補となっている。

IPM講習



- 講習は2週間。
- CASRADによる有機野菜の栽培指針を配布した

QUY TRÌNH SẢN XUẤT RAU AN TOÀN THEO TIÊU CHUẨN VIETGAP
(Chỉ dẫn để được chế biến rau sạch theo tiêu chuẩn VietGAP tại huyện Hoài Đức và Thường Tín - TP. Hà Nội)

プロジェクト目標と課題(成果)

プロジェクトの最終的な目標

キャパシティビルディングを通じ、市場化経済に対応した商品農産物の導入と、それによる現金収入源の安定化および増大

指標: 商品農産物の導入、コクタイン合作社農民の現金収入源の安定化と増大

そのために必要な課題(成果)

1. 商品農産物(特に野菜)市場に関する情報の入手と、その生産・販売計画の策定
2. 合作社情報センターの設置
3. 日本の農協システムの管理運営方法の適用

2. 合作社情報センターの設置

合作社オフィスの改造と機能の充実



1. IT化
 - パソコンの設置
 - コピー機の設置
 - インターネット接続
 - メールを通じた連絡
 - 携帯電話の利用
2. 情報拠点としてのオフィスへ
 - 農産物価格情報の発信と分析(エクセルを使った分析)
 - 省内外の農産物販売業者、流通業者、合作社、研究機関、地方政府(農業局、病虫害発生予察支局、科学工芸局、合作社連盟など)との継続的なコンタクト

3. 日本の農協システムの管理運営方法の適用

日	午前	午後
9月8日		ナムディンーハノイ
9月9日	VN954 ハノイ発00:05/成田着 06:50	ガイダンス、東京大学
9月10日	移動、東京一名古屋ー大垣へ(大垣駅-JAまではタクシー) 大垣駅11:30集合	JAにしみの管内の見学(13:30 JAにしみの http://www.jan.or.jp/index.html で打ち合わせ)
9月11日	9:30 JA 施設案内、大垣農機、自動車、10:30 大垣南営農組合、精米工場、海津管内へ移動、	13:30 兼業農家訪問、15:00中核農家訪問
9月12日	9:30 大垣南営農組合	12:00 JAで昼食、13:30 下宮支店、金融関係、野菜の出荷
9月13日	大垣輪中、木曾三川 見学	京都に移動
9月14日	AM10:00 上賀茂の京野菜栽培グループ事務所	北山で昼食、金閣寺、錦市場、JR伊勢丹京都駅地下の食品売り場にも京野菜あり(時間次第)
9月15日	奈良	大阪
9月16日	京都大学(9:30地域研究統合情報センター表敬/3階会議室訪問、10:30農学部(縄田教授、熱帯の野菜生産)、昼食は池島さん(農業経済博士課程)	東京へ移動、ホテルにチェックイン後は、自由行動
9月17日	大田市場(日本最大の青果物市場)	13:30 中央農業総合研究センター、15:00国際農林水産業研究センター(JIRCAS)国際開発領域、食と農の科学館つくばリサーチギャラリー
9月18日	AM10:00~12:00 神奈川県三浦市農協協同組合、本店営農部(情報センター山田さん)	
9月19日	買い物	買い物+荷造り
9月20日	空港へ、VN955 成田発11:00/ハノイ着14:30	



関心の強かった項目:
 集落営農・機械化(岐阜県おのがき農協)、ブランド化(京野菜)、マーケティング(三浦農協)、産直販売(京野菜)。とくに集落営農は今後のコクティン農村を考えるうえで重要(若年労働者の流出、高齢化の進行)

日本の農協等訪問

時期: 2008年9月8日~9月20日
ベトナム側7名参加



最終ワークショップ

3年プロジェクトの最終ワークショップを2011年4月14日にナムディン市で開催



Hợp tác
Thứ năm ngày 14 tháng 4 năm 2011

Nam Định: Tổng kết dự án "Tăng cường năng lực xúc tiến thương mại cho HTX nông nghiệp Cốc Thành"

Sáng nay 14/4, Trung tâm Nghiên cứu và phát triển nông nghiệp (CASRAD) thuộc Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam (ĐSVN-IFPRI) phối hợp với Liên minh HTX tỉnh Nam Định đã tổ chức hội nghị tổng kết dự án "Tăng cường năng lực xúc tiến thương mại cho HTX nông nghiệp Cốc Thành" (Dự án Apricot). Dự án được xây dựng và thực hiện trong thời gian từ tháng 4/2008 đến tháng 3/2011 và được tài trợ bởi Tổ chức hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA).

Hội nghị tổng kết được tổ chức tại trụ sở của HTX Cốc Thành, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Dự án đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của các HTX nông nghiệp địa phương. Các thành viên của HTX đã được trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết để tiếp cận thị trường và nâng cao hiệu quả sản xuất. Dự án cũng đã góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế và xã hội của vùng nông thôn.

Đưa vào quỹ đạo sản xuất kinh doanh của HTX

Hội nghị tổng kết được tổ chức tại trụ sở của HTX Cốc Thành, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Dự án đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của các HTX nông nghiệp địa phương. Các thành viên của HTX đã được trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết để tiếp cận thị trường và nâng cao hiệu quả sản xuất. Dự án cũng đã góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế và xã hội của vùng nông thôn.

16 KINH TẾ | Số 92 - (Thứ Hai) - 18/4/2011

Nông dân cũng phải xúc tiến thương mại

Dự án nhỏ, hiệu quả lớn tại HTX Cốc Thành, Nam Định

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường đang phát triển mạnh mẽ, vai trò của các tổ chức kinh tế xã hội trong việc hỗ trợ nông dân tiếp cận thị trường và nâng cao hiệu quả sản xuất ngày càng trở nên quan trọng. Dự án "Tăng cường năng lực xúc tiến thương mại cho HTX nông nghiệp Cốc Thành" là một ví dụ điển hình về sự thành công của các dự án hợp tác quốc tế trong việc hỗ trợ nông dân.

Tiền là

Nhiều dự án của các HTX nông nghiệp địa phương đã được thực hiện thành công, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của các HTX. Các dự án này đã giúp nông dân tiếp cận thị trường và nâng cao hiệu quả sản xuất, từ đó cải thiện đời sống của người dân.

Đưa vào quỹ đạo sản xuất kinh doanh của HTX

Hội nghị tổng kết được tổ chức tại trụ sở của HTX Cốc Thành, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Dự án đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của các HTX nông nghiệp địa phương. Các thành viên của HTX đã được trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết để tiếp cận thị trường và nâng cao hiệu quả sản xuất. Dự án cũng đã góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế và xã hội của vùng nông thôn.

On lineのベトナム経済新聞

ベトナム経済新聞(2011年4月18日付)に本プロジェクトのワークショップが紹介され、「小さなプロジェクトで大きな成果」と評価されました。

ベトナム経済新聞(2011年4月18日付)に本プロジェクトのワークショップが紹介され、「小さなプロジェクトで大きな成果」と評価されました。記事は、本プロジェクトがどのようにしてHTX Cốc Thànhの生産能力を向上させ、市場に競争力のある製品を提供したかを詳しく紹介しています。また、プロジェクトの成功要因として、地元政府との緊密な連携と、参加者同士の協力とを挙げています。

まとめ

市場経済に対応した(農村組織)合作社作りのために、特に、農産物価格情報の収集と、市場の需要に応じた新しい農産物導入のための技術的・制度的対応能力の向上(キャパシティビルディング)に力を入れた。プロジェクトの重要な成果は以下の4点に集約できる。

1. コクタイン合作社の中でジャガイモ栽培は、保冷庫を利用した営利活動として重要であり、今後も合作社の重要な現金収入源となる。ジャガイモを利用した市場化対応システム構築のためには、先進地域との連携を強化し情報を継続的に入手するとともに、企業の需要に見合うような合作社間連携も必要とされる。本プロジェクトで構築したネットワークはすでに機能して始めており、今後の発展が期待できる。
2. 紅河デルタ農村での有機野菜の生産には地方政府との共同が不可欠である。そのため本プロジェクトでは、ナムディン省政府との連携を強化すると同時に、将来の展開を先取りする形で特にソフト面での支援を行った。

まとめ

3. ジャガイモや有機野菜に限らず、新規農産物需要を掘り起こすために、省を超えた連携を強化するとともに、VAASや食用作物研究所などの公的機関との連携をとった。民間や公的機関、営利企業や研機関といった、多様な機関との連携強化がプロジェクトの成果である。
4. コクティン合作社では、2000年代になって増加したナムディン市近郊の工業区における若年労働者の増加が、野菜生産のような労働集約型農業に大きな影響を与えている。コクティンのような、営利目的だけでなく社会福祉を一定程度担うような村落組織の場合、合作社として対応すべきは、個別農民の生産性だけでなく、経済的安定性が重要になる。日本の営農組合のような組織が水稻作を代替したり、野菜の販売といった労働集約的な作業を代替するといったサポートが重要となる。